**LUYỆN TỪ VÀ CÂU: TỪ ĐA NGHĨA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

Hiểu đặc điểm của từ đa nghĩa; nhận biết được từ đa nghĩa, nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong từ đa nghĩa.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: chủ động thảo luận với bạn để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Phát triển NL tự chủ và tự học: chủ động tự giải quyết nhiệm vụ học tập.

- Phát triển NL sáng tạo: biết vận dụng những điều đã học để xác định từ đa nghĩa, xác định nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ đa nghĩa.

- Phát triển phẩm chất Chăm chỉ: Bồi dưỡng ý thức học tập chăm chỉ, cẩn thận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV chuẩn bị: Máy tính, máy chiếu; phiếu học tập cho HS.

- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một; *Sổ tay từ ngữ Tiếng Việt 5* (NXB ĐHSP TPHCM) hoặc từ điển tiếng Việt; *Vở bài tập* *Tiếng Việt 5*, tập một hoặc vở viết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
|  **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** |
|  - GV có thể cho HS chơi Trò chơi Tiếp sức: *chọn cặp từ đồng nghĩa* ở phần khởi động. \*Cách chơi: Chọn 2 đội chơi, mỗi đội 4 em, xếp thành một hàng dọc cách bảng 3m. Giáo viên chia đôi bảng, mỗi bên bảng viết hoặc dán “Từ đồng nghĩa”. Chuẩn bị cho mỗi đội 8 thẻ từ, mỗi thẻ có sẵn một trong các từ: *ba, lá cây, cha, nhỏ nhắn, lá cờ, mẹ, nhỏ xíu, má*  để ngửa trên bàn.  Lần lượt từng thành viên mỗi đội lên chọn 1 cặp từ đồng nghĩa thì lên bảng dán ở phần bảng đội của mình. Nếu từ đó không phải là cặp từ đồng nghĩa thì để qua 1 bên và về cuối hàng. Bạn tiếp theo sẽ thực hiện giống bạn trước đó. Nhóm nào hoàn thành hết thẻ từ trước, đúng nhiều hơn thì là đội thắng cuộc. GV lưu ý: trong các thẻ từ của mỗi đội sẽ có 1 cặp từ không phải là từ đồng nghĩa. **- GV giới thiệu bài:** Trong trò chơi vừa rồi, các bạn đã tìm được 3 cặp từ đồng nghĩa: *ba – cha, nhỏ nhắn - nhỏ xíu, mẹ - má*. Và có một cặp từ, cả 2 đội đều không chọn để dán lên bảng, đó là cặp từ *lá cây - lá cờ*. À, cặp từ *lá cây, lá cờ* là từ đa nghĩa. Trong các ngôn ngữ nói chung, trong tiếng Việt nói riêng có rất nhiều từ đa nghĩa. Vậy, từ đa nghĩa là gì? Từ đa nghĩa có đặc điểm gì? Bài học hôm nay sẽ cho các em câu trả lời. | - Học sinh chơi trò chơi *Tiếp sức* theo hướng dẫn của GV.- HS lắng nghe GV giới thiệu, đọc thầm đề bài.   |
|  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN** **THỨC** **Mục tiêu:** Giúp HS hiểu đặc điểm của từ đa nghĩa; nhận biết được từ đa nghĩa, nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong từ đa nghĩa. |
|  **Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm của từ đa nghĩa (BT 1 – Phần Nhận xét)** **\*Cách tiến hành:** - GV gọi HS đọc yêu cầu của bài tập 1. Cả lớp đọc thầm theo. - GV nêu lại yêu cầu Bài tập 1: Tìm nghĩa phù hợp với từ in đậm trong mỗi đoạn thơ, đoạn văn  **- GV hỏi: Từ in đậm là từ nào?** **- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 4 làm vào VBT theo yêu cầu bài 1.** **-** GV chiếu đề BT 1, mời các nhóm HS báo cáo kết quả (có thể tổ chức báo cáo theo hình thức thi hỏi – đáp giữa các nhóm hoặc thi ghép thẻ / nối đoạn thơ, đoạn văn với nghĩa tương ứng của từ ***chân***). - GV: Từ *“****chân****”* trong các đoạn thơ, đoạn văn trên là từ đa nghĩa. **Hoạt động 2: Nhận biết được từ đa nghĩa; Tìm hiểu nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ đa nghĩa. (BT 2 – Phần Nhận xét và Phần Bài học)** - GV gọi HS đọc yêu cầu của bài tập 2. Cả lớp đọc thầm theo. - GV nêu lại yêu cầu Bài tập 2: Nêu điểm giống nhau, khác nhau giữa ba nghĩa của từ “*chân*” trong BT 1. **- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 2 làm vào VBT theo yêu cầu bài 2.** **-** GV chiếu đề BT 2, mời đại diện các nhóm HS báo cáo kết quả.  - GV chiếu, chốt đáp án đúng: **\* Điểm giống nhau:** “Chân” chỉ bộ phận dưới cùng của sự vật **\* Điểm khác nhau:** a) **Chân** com-pa, **chân** kiềng, **chân** bàn: chỉ bộ phận của vật, có tác dụng đỡ cho bộ phận khác. b) **Chân** của người: chỉ bộ phận của cơ thể người hoặc động vật; dùng để đi, đứng. c) **Chân** núi: chỉ bộ phận của vật, có vị trí tiếp giáp và bám chặt vào mặt nền. - GV giới thiệu: Từ “***chân****”* trong các đoạn thơ, đoạn văn ở BT 1 là từ đa nghĩa. Trong từ *“chân”* này có nghĩa gốc (được dùng ở đoạn thơ b) và nghĩa chuyển (được dùng ở đoạn thơ a, đoạn văn c). Các nghĩa trong từ đa nghĩa “***chân”***có mối liên hệ với nhau: đều chỉ bộ phận dưới cùng của sự vật. - GV đặt câu hỏi giúp HS rút ra bài học: *Qua hai bài tập vừa rồi, các em hiểu: từ đa nghĩa là gì?*  - GV nói thêm: Từ đa nghĩa là từ nhiều nghĩa, trong đó chỉ có một nghĩa gốc và một (hay một số) nghĩa chuyển. Các nghĩa của từ đa nghĩa bao giờ cũng có mối liên hệ với nhau. Nghĩa gốc là nghĩa đầu tiên hoặc nghĩa có trước của từ ấy. Nghĩa chuyển là nghĩa biến đổi của từ ấy trên cơ sở nghĩa gốc.  - GV chiếu nội dung Bài học. Cho vài HS nhắc lại. - GV chiếu lại Bảng điểm giống nhau, khác nhau giữa ba nghĩa của từ “*chân*” rồi yêu cầu HS phân tích để hiểu kĩ hơn về nghĩa gốc, nghĩa chuyển, để thấy mối liên hệ giữa nghĩa gốc và nghĩa chuyển | - HS đọc yêu cầu bài tập 1. Cả lớp đọc thầm.- HS lắng nghe- HS trả lời: từ “**chân**”- HS thảo luận nhóm 4, làm VBT- Các nhóm trình bày câu trả lời trước lớp.a) **Chân** com-pa (***chân*** *đứng*, ***chân****quay*), **chân** kiềng, **chân** bàn - (3) Bộ phận dưới cùng của một số đồ dùng, có tác dụng đỡ cho các bộphận khác.b) **Chân** của người (bàn **chân** của bé, **chân** đi khắp nhà). - (1) Bộ phận dưới cùng của cơ thể người hoặc động vật, dùng để đi, đứng.c) **Chân** núi - (2) Phần dưới cùng của một số vật, tiếp giáp và bám chặt vào mặt nền.- HS nhóm khác nhận xét- HS lắng nghe- HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp đọc thầm.- HS lắng nghe- HS thảo luận nhóm 2, làm VBT- Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.- Nhóm khác nhận xét- HS lắng nghe- HS lắng nghe- HS trả lời: *Từ đa nghĩa là từ nhiều nghĩa, trong đó có nghĩa gốc và nghĩa chuyển có mối liên hệ với nhau*.- HS lắng nghe, ghi nhớ- Vài HS nhắc lại phần Bài học- HS phân tích lại nghĩa gốc, nghĩa chuyển của 3 từ “chân” ở bảng. |
|  **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP** **Mục tiêu:**  - Luyện tập nhận biết được từ đa nghĩa; nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong từ đa nghĩa. - Giúp HS hiểu đặc điểm của từ đa nghĩa, tìm được nghĩa chuyển của các từ đa nghĩa từ nghĩa gốc của nó. |
|  **Hoạt động 3: Nhận biết được nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong từ đa nghĩa; tìm được nghĩa chuyển của các từ đa nghĩa từ nghĩa gốc của nó. (BT 1, BT 2 – Phần Luyện tập)** **\*Cách tiến hành:** ***\*Bài tập 1:***- Mời 1 HS đọc yêu cầu BT 1.  - GV nhắc lại yêu cầu BT 1: *Tìm nghĩa gốc và nghĩa chuyển các từ* ***“mặt”, “xanh”, “chạy”*** *trong các câu dưới đây.* - GV hướng dẫn HS làm mẫu với từ ***“mặt”*** của câu **1a** để HS hiểu thế nào là nghĩa gốc (nghĩa ban đầu, từ đó sinh ra các nghĩa khác), thế nào là nghĩa chuyển (nghĩa sinh ra từ nghĩa gốc). *-* GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi làm vào VBT câu **1b, 1c.**- GV tổ chức cho các nhóm trình bày trước lớp.   - GV nhận xét, chốt: **b)** + Hoa càng đỏ, lá càng **xanh**. : nghĩa gốc (“xanh” ở câu này mang nghĩa ban đầu) + … mái tóc cho thật dài, thật **xanh**. : nghĩa chuyển (“xanh” ở câu này là nghĩa biến đổi từ nghĩa gốc - màu xanh) **c)** + … mấy chiếc thuyền đang **chạy** ra khơi,… : nghĩa chuyển (“chạy” ở câu này là nghĩa biến đổi từ nghĩa gốc - hoạt động chạy của người) + … em **chạy** vội ra phía bờ sông. : nghĩa gốc (“chạy” ở câu này mang nghĩa ban đầu) - GV hỏi: Các từ *“mặt”, “xanh”, “chạy*” trong các câu trên là từ gì? ***\*Bài tập 2:*** - Mời 1 HS đọc yêu cầu BT 2.   - GV hỏi: Theo yêu cầu BT 2, các từ chỉ bộ phận cơ thể người và động vật thường là loại từ gì? - GV hướng dẫn HS làm mẫu: tìm một số ví dụ về nghĩa chuyển của từ ***“răng”*** – GV có thể chiếu 1 số hình ảnh *răng cào, răng bừa, bánh răng, …* cho HS xem - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4 làm vào PHT (theo kĩ thuật khăn trải bàn) tìm một số ví dụ về nghĩa chuyển của các từ: *cổ, miệng, tay, mắt*- GV tổ chức cho các nhóm trình bày trước lớp theo trò chơi *Xì điện.* Trong lúc chơi,GV có thể vừa nhận xét, vừa hỏi: *Từ đa nghĩa mà em vừa nêu được dùng với nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?* - GV nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án đúng.  + ***Cổ*:** cổ chai, cổ hũ, cổ lọ, cổ bình, cổ tay, cổ chân, cổ áo,… + ***Miệng*:** miệng chai, miệng bát, miệng chén, miệng giếng, miệng nồi, miệng núi lửa, miệng ăn (chỉ người ăn trong gia đình),… + ***Tay*:** tay áo, tay lái (bộ phận của cái xe), tay lái (chỉ người lái xe), tay vợt (chỉ người chơi bộ môn thể thao dùng vợt, VD: tay vợt ten nít), tay tre (cành của cây tre), tay mướp / su su / bí (tua bám của cây mướp / su su / bí),… + ***Mắt*:** mắt kính, mắt của quả na, mắt cây (cục u nổi trên thân cây), mắt bão, mắt thần (của thiết bị điện tử),… - GV nhận xét, hướng dẫn HS tìm hiểu mối liên hệ giữa các nghĩa trong mỗi từ.  VD: *cổ chai*: một vị trí trên cái chai, có hình dáng giống với cổ của người; *cổ áo*: bộ phận của cái áo, khi mặc sẽ ôm lấy phần cổ của người mặc. | - HS đọc yêu cầu BT 1. Cả lớp đọc thầm.- HS lắng nghe- 1 HS trả lời theo yêu cầu của GV câu **1a**: + Bác đội mũ, khăn trùm gần kín **mặt**,… : nghĩa gốc (“mặt” ở câu này mang nghĩa ban đầu) + … những miếng vá trên **mặt** đường. : nghĩa chuyển (“mặt” ở câu này là nghĩa biến đổi từ nghĩa gốc - mặt người)- HS thảo luận nhóm đôi làm vào VBT.- Đại diện HS các nhóm trình bày ý kiến trước lớp - HS khác nhận xét- HS lắng nghe- HS trả lời: Các từ *“mặt”, “xanh”, “chạy”* là từ đa nghĩa.- HS đọc yêu cầu BT 2. Cả lớp đọc thầm.- HS trả lời: Từ đa nghĩa- HS trả lời: *răng cào, răng bừa, răng lược, răng cưa, bánh răng (của máy móc),…* - HS quan sát- HS thảo luận nhóm 4 làm vào PHT- Các nhóm trả lời theo hình thức trò chơi Xì điện- HS lắng nghe- HS trả lời theo yêu cầu của GV. |
|  **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** |
|  - GV hỏi: + Bài học hôm nay giúp các em biết được điều gì?  + Điều đó giúp em việc gì?   - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS làm bài tốt. *- Dặn dò:* Dặn HS về nhà tìm thêm những từ đa nghĩa để chia sẻ trước lớp vào tiết sau. | - HS trả lời: + Nhận biết các từ đa nghĩa, nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong từ đa nghĩa.  + Hiểu biết đó giúp em hiểu rõ hơn về nội dung của câu văn, bài văn; giúp em lựa chọn từ đúng trong nói và viết. Khi gặp một từ có nhiều nghĩa, em có thể dựa vào ngữ cảnh để xác định ý nghĩa chính xác của từ trong trường hợp cụ thể. - HS lắng nghe- HS lắng nghe |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................